TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Đức

2. Ông Lê Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Loan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 195/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Do mai mối bà L và Lê Văn T quen biết nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới; đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã N, huyện P, TP . vào năm 2010. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bà hòa thuận hạnh phúc nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn. Ông bà đã sống ly thân nhau một thời gian, bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: có 02 con chung: Lê Trí N (nam) sinh ngày 07/12/2006 và Lê Phước N1 (nam) sinh ngày 08/6/2016. Khi ly hôn, bà giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt không rõ lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy,

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Văn T. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay là ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ). Do đó, quan hệ tranh chấp xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt do ở xa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn do các bên bất đồng quan điểm sống trong thời gian dài dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, ông Lê Văn T nhưng vẫn vắng mặt nhưng có văn bản ý kiến cũng đồng ý ly hôn với bà L, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Lê Văn T.

[2.2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của bị đơn thì bà L và ông T có hai con chung là cháu Lê Trí N (nam) sinh năm 2006 và Lê Phước N1 (nam) sinh năm 2016. Khi ly hôn, bà L đề nghị giao hai cháu cho ông T tiếp tục nuôi

dưỡng, bà L không cấp dưỡng. Xét thấy, con chung đang được ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ khi ông bà ly thân đến nay. Ông T cũng có ý kiến yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng; hai cháu Trí N và Phước N1 đều có ý kiến bằng văn bản mong muốn được tiếp tục sống với cha là ông Lê Văn T. Do đó, tránh làm xáo trộn sinh hoạt bình thường của hai cháu nên giao hai con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật, hoàn cảnh sống của con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho bà Nguyễn Thị L không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí án hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với ông Lê Văn T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Lê Văn T.

[2]. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Trí N (nam) sinh năm 2006 và Lê Phước N1 (nam) sinh năm 2016 cho ông Lê Văn T tiếp tục nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị L không ai được cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0003380, ngày 14/4/2025 của chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà L đã nộp xong.

[6]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND KV.3;
- THA KV.3 - CT;
- UBND xã Nhơn Ái;
- Lưu HS (2b).

Đinh Huỳnh Thái Ngọc